

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ YÊN MỸ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *145*/BC-UBND

Yên Mỹ, ngày *24* tháng *4* năm 2026

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi NSNN trên địa bàn xã Yên Mỹ quý 1 năm 2026

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

UBND xã Yên Mỹ công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã 6 tháng đầu năm 2026, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính, như sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN quý 1 năm 2026

Tổng thu NSNN trên địa bàn: 762,511 tỷ đồng (NS xã được hưởng là 376,498 tỷ đồng). Trong đó:

1. Các khoản thu ngân sách được hưởng theo phân cấp.
 - Các khoản thu hưởng 100%: 2,168 tỷ đồng (NS xã được hưởng 0,682 tỷ đồng).
 - Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 429,799 tỷ đồng (NS xã được hưởng 45,2172 tỷ đồng).
2. Các khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 148,227 tỷ đồng. Trong đó:
 - Bổ sung cân đối: 68,798 tỷ đồng.
 - Bổ sung có mục tiêu: 79,429 tỷ đồng.
3. Thu chuyển nguồn: 182,315 tỷ đồng.

II. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSNN quý 1 năm 2026

Tổng chi ngân sách địa phương: 165,789 tỷ đồng. Trong đó:

1. Chi Đầu tư phát triển: 86,030 tỷ đồng.
2. Chi thường xuyên: 79,758 tỷ đồng. Gồm:
 - Chi Quốc phòng: 1,515 tỷ đồng

- Chi An ninh: 1,343 tỷ đồng.
- Chi Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 34,367 tỷ đồng.
- Chi Sự nghiệp khoa học, công nghệ: 0,01 tỷ đồng.
- Chi Sự nghiệp Y tế: 10,95 tỷ đồng.
- Chi Sự nghiệp Văn hóa: 0,14 tỷ đồng.
- Chi Sự nghiệp phát thanh, truyền hình: 1,025 tỷ đồng.
- Chi Sự nghiệp kinh tế: 0,113 tỷ đồng.
- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể 11,396 tỷ đồng.
- Chi Đảm bảo xã hội 18,894 tỷ đồng.

III. Đánh giá chỉ đạo điều hành thực hiện thu chi NSNN quý 1 năm 2026

Trong quý 1 năm 2026, thực hiện Nghị quyết của HĐND xã về việc giao thu chi ngân sách nhà nước xã Yên Mỹ năm 2026, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự giám sát của HĐND xã và chỉ đạo, điều hành của UBND xã và sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, tình hình thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt được những kết quả quan trọng, đó là:

- Điều hành ngân sách đảm bảo một số các chỉ tiêu thu ngân sách đã đạt và vượt kế hoạch đề ra như: thuế thu nhập cá nhân; các loại phí, lệ phí; thuế GTGT... đã tạo nguồn quan trọng để thực hiện các nhiệm vụ chi trong dự toán đã giao và các nhiệm vụ phát sinh;

- Chi ngân sách đảm bảo theo đúng chế độ, tiết kiệm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước, điều hành quản lý, sử dụng nguồn dự phòng, đáp ứng kịp thời các khoản chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất phát sinh; các nhiệm vụ chi được bổ sung có mục tiêu, được giao dự toán và thực hiện dự toán theo đúng quy định.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác điều hành, quản lý thu chi ngân sách còn một số khó khăn: Tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công các công trình, dự án trên địa bàn gặp nhiều khó khăn vướng mắc; một số dự án còn chậm, và phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch, vị trí phù hợp với những tồn tại cũ; việc giải ngân vốn chưa cao do vướng mắc trong công tác GPMB; giá vật liệu, nhân công thường xuyên biến động và tăng cao dẫn đến phải thực hiện điều chỉnh phê duyệt lại dự toán làm kéo dài thời gian lựa chọn nhà thầu.

IV. Nhiệm vụ, giải pháp

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Thuế tỉnh Hưng Yên, Thuế Cơ sở 4 tỉnh Hưng Yên để rà soát, nắm chắc các nguồn thu trên địa bàn; tập trung đơn đốc



thu đổi với các chỉ tiêu còn đạt thấp.

- Duy trì, đẩy mạnh và phối hợp với Thuế Cơ sở 4 thực hiện các biện pháp quản lý các khoản lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân, thuế GTGT và các loại phí, lệ phí theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu thuế, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây dựng tư nhân; tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế kéo dài.

- Thực hiện quản lý chi NSNN nghiêm túc theo dự toán được duyệt; tiết kiệm chi thường xuyên, cắt giảm các khoản chi thường xuyên chưa thực sự cần thiết, hạn chế tối đa chi hội nghị, khánh tiết; Tập trung các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhiệm vụ an sinh xã hội và các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương.

- Tập trung công tác GPMB, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị để tuyên truyền, vận động nhân dân đồng thuận, bàn giao mặt bằng đúng tiến độ cho các công trình, dự án.

- Kịp thời phối hợp với các đơn vị liên quan để giải quyết các vướng mắc về nguồn gốc đất đai, giá đền bù khi GPMB.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công, đôn đốc các nhà thầu tập trung nhân lực, vật lực để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình chuyển tiếp và công trình mới khởi công khi đã có mặt bằng.

Ủy ban nhân dân xã công bố công khai để các cơ quan, đơn vị biết theo dõi, chỉ đạo và thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh ;
- TT Đảng ủy xã;
- BTV Đảng ủy xã;
- BCH Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã
- Các phòng, ngành đoàn thể xã;
- Lưu VT.

(để b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Hồng Tuyền

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện	So sánh (%)
A	B		2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	948.068.000.000	376.498.255.913	40%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	932.000.000	682.509.169	73%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	599.380.000.000	45.272.138.036	8%
3	Thu bổ sung	347.756.000.000	148.227.699.000	43%
-	Bổ sung cân đối	275.194.000.000	68.798.499.000	25%
-	Bổ sung có mục tiêu	72.562.000.000	79.429.200.000	109%
4	Thu chuyển nguồn	-	182.315.909.708	
	TỔNG SỐ CHI	948.068.000.000	165.789.262.648	17%
1	Chi đầu tư phát triển	569.500.000.000	86.030.757.000	15%
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	288.494.000.000	79.758.505.648	28%
3	Dự phòng	17.512.000.000	-	0%
4	Chi từ nguồn BS có mục tiêu từ NS Tỉnh	31.469.000.000		0%
5	Chi từ nguồn CCTL để thực hiện các chính sách ASXH	41.093.000.000		0%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán HĐND và giao			Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2	
	TỔNG THU	2.310.868.000.000	948.068.000.000	762.511.532.152	376.498.255.913	33%	40%	
I	Các khoản thu hưởng 100%	932.000.000	932.000.000	2.168.342.151	682.509.169	233%	73%	
-	Các loại phí, lệ phí	150.000.000	150.000.000	532.595.191	181.810.000	355%	121%	
-	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	517.000.000	517.000.000			0%	0%	
-	Thu tiền phạt			1.517.449.385	443.330.976			
-	Thu tịch thu			4.228.849				
-	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước							
-	Thu khác còn lại	265.000.000	265.000.000	114.068.726	57.368.193	43%	22%	
II	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ %	1.962.180.000.000	599.380.000.000	429.799.581.293	45.272.138.036	22%	8%	
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý			394.759.946				
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			640.660.679				
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			49.904.155.847				
-	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	9.000.000.000	9.000.000.000	284.156.856.091	2.016.138.112	3157%	22%	
-	Thuế thu nhập cá nhân	13.500.000.000	6.300.000.000	27.795.309.321	1.603.603.814	206%	25%	
-	Lệ phí trước bạ	36.500.000.000	11.400.000.000	11.639.560.551	4.151.233.902	32%	36%	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.150.000.000	3.150.000.000	464.164.858	426.474.208	15%	14%	

STT	NỘI DUNG	Dự toán HĐND xã giao		Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	30.000.000	30.000.000	282.514.000		942%	0%
-	Thu tiền sử dụng đất	1.900.000.000.000	569.500.000.000	54.521.600.000	37.074.688.000	3%	7%
III	Thu Viện trợ						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách			182.315.909.708	182.315.909.708		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	347.756.000.000	347.756.000.000	148.227.699.000	148.227.699.000	43%	43%
1	Bổ sung cân đối	275.194.000.000	275.194.000.000	68.798.499.000	68.798.499.000	25%	25%
2	Bổ sung có mục tiêu	72.562.000.000	72.562.000.000	79.429.200.000	79.429.200.000	109%	109%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

Biểu số 115/CK-NSNN

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	948.068.000.000	569.500.000.000	378.568.000.000	165.789.262.648	86.030.757.000	79.758.505.648	17%	15%	21%
A	Chi cân đối NS địa phương	875.506.000.000	569.500.000.000	306.006.000.000	165.789.262.648	86.030.757.000	79.758.505.648	19%	15%	26%
1	Chi giáo dục	295.090.596.000	117.517.596.000	177.573.000.000	59.190.712.133	24.822.734.200	34.367.977.933	20%	21%	19%
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	1.423.000.000		1.423.000.000	10.000.000		10.000.000	1%		1%
3	Chi y tế	26.620.000.000	2.050.000.000	24.570.000.000	10.950.515.143		10.950.515.143	41%	0%	45%
4	Chi văn hóa, thông tin	58.614.602.000	58.614.602.000		319.179.800	177.567.000	141.612.800	1%	0%	
5	Chi phát thanh, truyền thanh	855.000.000		855.000.000	1.025.465.136		1.025.465.136	120%		120%
6	Chi thể dục thể thao									
7	Chi bảo vệ môi trường	3.431.000.000		3.431.000.000						
8	Chi các hoạt động kinh tế	253.517.802.000	248.271.802.000	5.246.000.000	61.087.319.349	60.974.096.800	113.222.549	24%	25%	0%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	118.796.000.000	77.350.000.000	41.446.000.000	11.453.219.487	56.359.000	11.396.860.487	10%	0%	2%
10	Chi cho công tác xã hội	23.906.000.000	6.046.000.000	17.860.000.000	18.894.734.600		18.894.734.600	79%		106%
11	Chi quốc phòng	1.907.000.000		1.907.000.000	1.515.025.000		1.515.025.000	79%		79%
12	Chi an ninh	2.781.000.000	2.700.000.000	81.000.000	1.343.092.000		1.343.092.000	48%		1658%
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật	68.080.000.000	56.950.000.000	11.130.000.000						
14	Chi khen thưởng	1.444.000.000		1.444.000.000						
15	Tiết kiệm tạo nguồn làm lương (Trừ SN Giáo dục)	1.528.000.000		1.528.000.000						
16	Dự phòng ngân sách	17.512.000.000		17.512.000.000						
B	Chi từ nguồn BS có mục tiêu từ NS Tỉnh	31.469.000.000		31.469.000.000						
C	Chi từ nguồn CCTL để thực hiện các chính sách ASXH	41.093.000.000		41.093.000.000						